

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án giao đất tái định cư cho 04 hộ dân có đất thu hồi do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân (từ Km0+880 - Km1+080 đoạn ngoài phạm vi dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc), phường Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân;

Căn cứ Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ một số lô đất ở tại khu OLK-01 thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân (từ Km0+880 đến Km1+080 đoạn ngoài phạm vi dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc), phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 và Quyết định số 3854/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đối với các hộ dân bị ảnh

hưởng do GPMB xây dựng dự án đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 861/TTr-STNMT ngày 24/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giao đất tái định cư cho 04 hộ dân có đất thu hồi do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân (từ Km0+880 - Km1+080 đoạn ngoài phạm vi dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc), phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

Bố trí cho 04 hộ gia đình 04 lô đất tái định cư với tổng diện tích là 292,50m² tại Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn. Tiền sử dụng đất các hộ phải nộp đối với 04 lô đất tái định cư được giao là 1.822.100.000 đồng (*Một tỷ, tám trăm hai mươi hai triệu, một trăm ngàn đồng*).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ GIÁ TRỊ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ NỐI DÀI ĐẾN KHU ĐÔ THỊ DIÊM VÂN (TỪ KM0 + 880 ĐẾN KM1 + 080 ĐOẠN NGOÀI PHẠM VI DỰ ÁN CHỢ GÓC), PHƯỜNG NHƠN BÌNH, TP. QUY NHƠN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Hộ gia đình, cá nhân | Địa chỉ | Diện tích đất ở bồi thường (m ²) | Giá trị bồi thường đất ở | Vị trí lô đất được giao tại Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình | | | | | DT thu tiền sử dụng đất | | Đơn giá nộp tiền sử dụng đất | | Hệ số | Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp | Giá trị suất tái định cư tối thiểu (quy tròn) | Giá trị chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu với số tiền bồi thường đất ở | Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí) |
|------------------|--|-------------------------------|--|--------------------------|--|-------------|----------|---------|------------------------------------|---------------------------------------|---|------------------------------------|--|----------------------|-----------------------------------|--|---|---|
| | | | | | Ký hiệu lô đất | Ký hiệu Khu | Đường số | Lộ giới | Diện tích lô đất (m ²) | Theo giá đất cụ thể (m ²) | Theo giá đất thị trường (m ²) | Giá đất cụ thể (đ/m ²) | Giá đất thị trường (đ/m ²) | | | | | |
| 1 | Nguyễn Trung Thành, vợ Lê Thị Nga | Tổ 41, KP5, P. Nhơn Bình | 60,60 | 345.420.000 | 2đ | OLK-01 | ĐS4 | 14m | 67,50 | 60,60 | 6,90 | 6.000.000 | 12.500.000 | 1,0 | 449.850.000 | 396.690.000 (70m ² x 5667000đ/m ²) | 51.270.000 | 398.580.000 |
| 2 | Nguyễn Thị Thu, chồng Nguyễn Đức Hoàng | Tổ 41, KP5, P. Nhơn Bình | 69,00 | 393.300.000 | 3đ | OLK-01 | ĐS4 | 14m | 75,00 | 69,00 | 6,00 | 6.000.000 | 12.500.000 | 1,0 | 489.000.000 | 396.690.000 (70m ² x 5667000đ/m ²) | 3.390.000 | 485.610.000 |
| 3 | Dương Xuân Lang, vợ Nguyễn Thị Thanh Hải | Tổ 41, KP5, P. Nhơn Bình | 80,80 | 484.800.000 | 5đ | OLK-01 | ĐS3 | 16m | 90,00 | 80,80 | 9,20 | 6.000.000 | 12.500.000 | 1,0 | 599.800.000 | 396.690.000 (70m ² x 5667000đ/m ²) | | 599.800.000 |
| 4 | Đỗ Văn Ôn, vợ Phan Thị Lượm | Chánh Hội, Cát Chánh, Phù Cát | 19,00 | 108.300.000 | 1đ | OLK-01 | ĐS4 | 14m | 60,00 | 19,00 | 41,00 | 6.000.000 | 12.500.000 | 1,0 | 626.500.000 | 396.690.000 (70m ² x 5667000đ/m ²) | 288.390.000 | 338.110.000 |
| Tổng cộng | | | 229,40 | | | | | | 292,50 | 229,40 | 63,10 | | | 2.165.150.000 | | 343.050.000 | 1.822.100.000 | |